

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH HỘI HỌA

Mã ngành: 7210103

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo: Hội họa
 - + Tiếng Việt: Hội họa
 - + Tiếng Anh: Painting
- Mã ngành: **7210103**
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 05 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Đại học Hội họa
 - + Tiếng Anh: Painting
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương

2. Mục tiêu đào tạo:

Đào tạo cử nhân Hội họa có kiến thức sâu rộng về nghệ thuật tạo hình, đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đổi mới Văn hóa - Nghệ thuật trong xu thế hội nhập. Đồng thời có thể sáng tác, tổ chức các hoạt động Mỹ thuật, học tiếp lên bậc cao hơn để hoàn thiện và nâng cao năng lực nghề nghiệp.

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Hội họa có thẩm mỹ, tư duy và khả năng tự nghiên cứu, truyền đạt kiến thức chuyên ngành.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Kiến thức

- Có kiến thức lý thuyết cơ bản về mỹ thuật tạo hình, giải phẫu tạo hình, luật phối cảnh, các kiến thức về cơ sở tạo hình và nguyên lý thị giác. Có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực hội họa, nắm vững phương pháp sáng tạo ngôn ngữ tạo hình trong nghiên cứu hình họa chì, than, hình họa sơn dầu, ký họa, hình tượng nghệ thuật; có phương pháp tư duy nghiên cứu, sáng tác tác phẩm hội họa thuộc các thể loại tranh tĩnh vật, phong cảnh, chân dung, sinh hoạt; có hiểu biết chuyên sâu về chất liệu vẽ và kỹ thuật thể hiện tác phẩm theo các xu hướng nghệ thuật từ truyền thống đến hiện đại, đương đại.
- Có kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực hội họa để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập nghiên cứu ở trình độ cao hơn.
- Có kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin, một số phần mềm đồ họa cơ bản và kỹ thuật nhiếp ảnh để ứng dụng trong sáng tác tác phẩm và trao đổi thông tin; cũng như kiến thức ngoại ngữ để giao tiếp và nghiên cứu tài liệu tham khảo thuộc ngành Hội họa.

2.2.2. Kỹ năng

- Có kỹ năng sử dụng tốt phương pháp tạo hình và kỹ thuật, chất liệu hội họa như chì, than, màu sơn dầu, màu nước, phấn màu để thực hành nghiên cứu hình họa và vẽ hình.
- Có kỹ năng sử dụng thành thạo, linh hoạt, sáng tạo chất liệu, kỹ thuật thể hiện tranh và phương pháp thực hành sáng tác.
- Có kỹ năng sử dụng tốt máy ảnh, máy vi tính phục vụ sáng tác tác phẩm và nghiên cứu về hội họa.
- Có kỹ năng viết báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn của ngành hội họa và lĩnh vực mỹ thuật.

2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có đạo đức nghề nghiệp; có ý thức tổ chức lao động, chấp hành nội quy, quy chế, quy định của đơn vị sử dụng nhân lực; có trách nhiệm công dân đối với xã hội, có ý thức cộng đồng, tác phong công nghiệp.

- Có thái độ cầu thị, học hỏi nâng cao trình độ nghề nghiệp, tìm tòi sáng tạo trong công việc.
- Có ý thức hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp.

3. Thông tin tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông và theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo

Tổ chức thi và xét tuyển: Thí sinh dự thi theo tổ hợp môn: Ngữ Văn, Hình họa, Vẽ màu

- Dự kiến quy mô tuyển sinh: Chỉ tiêu hàng năm của trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương, dự kiến khoảng 50 sinh viên / năm.

4. Thời gian thiết kế/điều chỉnh chương trình đào tạo: năm 2019

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Program Learning Outcomes –PLOs)

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Hội họa, sinh viên đạt được

1. Về kiến thức

1.1. Khối kiến thức chung

Vận dụng được kiến thức các môn học: Triết học Mác - Lê nin, Kinh tế chính trị Mác - Lê nin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trong giải quyết các vấn đề của cuộc sống, học tập và lao động nghề nghiệp.

1.2. Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành

- Vận dụng các kiến thức về Phương pháp nghiên cứu khoa học, Đường lối Văn hóa, văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tâm lý học sáng tạo nghệ thuật...trong học tập, nghiên cứu, sáng tác và tổ chức các hoạt động Mỹ thuật.

- Vận dụng kiến thức về Quản lý hành chính nhà nước & Quản lý giáo dục đào tạo trong sáng tác và tổ chức hoạt động Mỹ thuật.

1.3. Khối kiến thức cơ sở ngành

- Nhận diện được đặc trưng ngôn ngữ tạo hình, trên cơ sở đó đề xuất phương pháp hoạt động Mỹ thuật phù hợp.

- Giải thích được bản chất và vai trò của Mỹ thuật đối với sự phát triển con người và xã hội, nhận biết nhiệm vụ của người nghệ sĩ trong thời kỳ đổi mới và hội nhập.

- Vận dụng các kiến thức về lí luận Mỹ thuật nói chung, phương pháp sáng tác Mỹ thuật nói riêng vào quá trình nhận thức, đánh giá, sáng tạo thẩm mỹ, có khả năng sử dụng thành thạo các phương tiện, công nghệ hiện đại trong sáng tác và hoạt động Mỹ thuật.

- Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng về quy trình xây dựng tác phẩm nghệ thuật.

- Hình thành thế giới quan, nhân sinh quan, lý tưởng nghề nghiệp, thị hiếu thẩm mỹ thông qua các hoạt động Mỹ thuật. Từ đó góp phần định hướng trong việc hoàn thiện nhân cách con người theo xu thế tích cực.

1.4. Khối kiến thức chuyên ngành

- Sử dụng được kiến thức cơ bản, toàn diện, hệ thống về nghệ thuật tạo hình trong việc học tập các môn học chuyên ngành Mỹ thuật ở bậc đại học, nghiên cứu, sáng tác và đáp ứng được yêu cầu hoạt động sáng tạo nghệ thuật theo xu thế hội nhập.

- Vận dụng được tri thức, phương pháp luận nghệ thuật vào cuộc sống và hình thành các phương pháp nghiên cứu, sáng tác, tổ chức hoạt động Mỹ thuật.

- Vận dụng được những hiểu biết về quá trình phát triển của Mỹ thuật thế giới, Mỹ thuật Việt Nam, kiến thức về Mỹ thuật học trong học tập các môn học khác (thuộc chuyên ngành Mỹ thuật ở bậc đại học), nghiên cứu và đáp ứng được nhu cầu phát triển ngày càng cao của xã hội.

- Nắm được kiến thức khoa học về nghệ thuật tạo hình, sử dụng hiệu quả các chất liệu, phương pháp xây dựng tác phẩm (Hội họa, Điêu khắc, Đồ họa, Trang trí....)

1.5. Kiến thức tốt nghiệp

- Hiểu và vận dụng được qui trình của các đợt thực tế chuyên môn. Hiểu được vai trò của cuộc sống trong sáng tạo nghệ thuật. Nắm được mối quan hệ biện chứng giữa cuộc sống và nghệ sĩ, nghệ sĩ và tác phẩm. Rèn luyện kỹ năng nắm bắt và quan sát thực tiễn, trên cơ sở đó hình thành ý tưởng nghệ thuật.

- Sử dụng hiệu quả các chất liệu Hội họa, Đồ họa trong sáng tác chuyên khoa. Nắm được qui trình nghiên cứu và thực hiện khoá luận tốt nghiệp; cách lập kế hoạch và khai thác các tài liệu ghi chép, ký họa từ thực tế phù hợp với điều kiện học tập để hoàn thành tốt bài sáng tác chuyên ngành một cách khoa học.

2. Về kĩ năng:

2.1. Kỹ năng cứng

2.1.1. Các kỹ năng nghề nghiệp

- Hình thành năng lực thực hành cơ bản và phương pháp sáng tác Mỹ thuật theo yêu cầu của chương trình đào tạo.

- Biết xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động Mỹ thuật.

2.1.2. Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề

- Phát hiện và hình thành được vấn đề nghiên cứu, tư duy hình tượng, phân tích và đề xuất được giải pháp phù hợp thực tiễn sáng tác và hoạt động Mỹ thuật.

2.1.3. Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức

- Cập nhật kiến thức, tổng hợp tài liệu, xây dựng nguồn tài liệu tham khảo, hỗ trợ sáng tác và hoạt động nghệ thuật.

2.1.4. Khả năng tư duy theo hệ thống

- Phát hiện và hình thành được vấn đề nghiên cứu, phân tích và đề xuất được giải pháp phù hợp thực tiễn dạy và tổ chức hoạt động Mỹ thuật trong Nhà trường và ngoài xã hội.

2.1.5. Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn.

- Sử dụng một số phương pháp, công nghệ cơ bản, hiện đại để tiến hành các hoạt động chuyên môn, nghiên cứu và sáng tạo nghệ thuật.

2.1.6. Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp

- Cập nhật kiến thức, đề xuất các ý tưởng đổi mới phương pháp sáng tác, viết và phổ biến các sáng kiến kinh nghiệm trong hoạt động mỹ thuật, hình thành các ý tưởng nghiên cứu khoa học hoặc tham gia các đề tài nghiên cứu phù hợp với chuyên ngành .

- Hình thành năng lực sáng tác, phát triển ý tưởng nghệ thuật, tham gia và tổ chức các hoạt động Mỹ thuật, đáp ứng nhu cầu đổi mới của toàn xã hội.

2.2. Kỹ năng mềm

2.2.1. Các kỹ năng cá nhân

- Hình thành năng lực tự học và học tập suốt đời

- Thu thập và tổng hợp tài liệu, quản lý thời gian, thích ứng với sự thay đổi trong môi trường xã hội.

2.2.2. Làm việc theo nhóm

- Phát triển năng lực thành lập nhóm, xây dựng và triển khai kế hoạch làm việc của nhóm, chấp nhận sự khác biệt vì mục tiêu chung.

- Thay đổi nhóm để thích ứng với hoàn cảnh

- Quản lý môi trường hoạt động Mỹ thuật.

- Năng lực ra quyết định, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện.
- Kiểm tra các hoạt động Mỹ thuật trong lĩnh vực phụ trách.

2.2.3. Kỹ năng giao tiếp

- Hình thành năng lực thuyết trình, giao tiếp hiệu quả giữa các cá nhân, nhóm.
- Giao tiếp bằng văn bản hoặc Email.

2.2.4. Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ.

Đạt trình độ A2 theo khung tham chiếu chuẩn của Châu Âu.

2.2.5. Các kỹ năng mềm khác:

- Hoạt động xã hội: Tổ chức được các hoạt động Mỹ thuật đa dạng, phù hợp với môi trường xã hội.
- Kỹ năng sử dụng được tin học văn phòng cơ bản, tin học chuyên ngành phù hợp công việc hoạt động và sáng tác nghệ thuật.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ Hội họa và mỹ thuật. Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau. Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật thuộc ngành hội họa.

- Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể để thực hiện các công việc liên quan đến sáng tác, giảng dạy chuyên ngành hội họa

Hiểu biết về nền văn hóa, quan niệm thẩm mỹ, giá trị nghệ thuật của dân tộc Việt Nam.

- Hiểu biết về an ninh quốc phòng toàn dân, thể hiện lập trường vững vàng và sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

Bảng 1: Sơ đồ mã hóa các nội dung trong chuẩn đầu ra

Nhóm CDR	Mã CDR	Chi tiết
	1	Vận dụng được kiến thức các môn học: Triết học Mác - Lê nin, Kinh tế chính trị Mác - Lê nin, Chủ nghĩa xã hội khoa

CDR - Kiến thức		học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trong giải quyết các vấn đề của cuộc sống, học tập và lao động nghề nghiệp.
	2	- Vận dụng các kiến thức về Phương pháp nghiên cứu khoa học, Đường lối Văn hóa, văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt nam, Tâm lý học sáng tạo nghệ thuật...trong học tập, nghiên cứu, sáng tác và tổ chức các hoạt động Mỹ thuật. - Vận dụng kiến thức về Quản lý hành chính nhà nước & Quản lý giáo dục đào tạo trong sáng tác và tổ chức hoạt động Mỹ thuật.
	3	- Nhận diện được đặc trưng ngôn ngữ tạo hình, trên cơ sở đó đề xuất phương pháp hoạt động Mỹ thuật phù hợp. - Giải thích được bản chất và vai trò của Mỹ thuật đối với sự phát triển con người và xã hội, nhận biết nhiệm vụ của người nghệ sỹ trong thời kỳ đổi mới và hội nhập. - Vận dụng các kiến thức về lí luận Mỹ thuật nói chung, phương pháp sáng tác Mỹ thuật nói riêng vào quá trình nhận thức, đánh giá, sáng tạo thẩm mỹ, có khả năng sử dụng thành thạo các phương tiện, công nghệ hiện đại trong sáng tác và hoạt động Mỹ thuật. - Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng về quy trình xây dựng tác phẩm nghệ thuật. - Hình thành thế giới quan, nhân sinh quan, lý tưởng nghề nghiệp, thị hiếu thẩm mỹ thông qua các hoạt động Mỹ thuật. Từ đó góp phần định hướng trong việc hoàn thiện nhân cách con người theo xu thế tích cực.
	4	- Sử dụng được kiến thức cơ bản, toàn diện, hệ thống về nghệ thuật tạo hình trong việc học tập các môn học chuyên ngành Mỹ thuật ở bậc đại học, nghiên cứu, sáng tác và đáp ứng được yêu cầu hoạt động sáng tạo nghệ thuật theo xu thế hội nhập. - Vận dụng được tri thức, phương pháp luận nghệ thuật vào cuộc sống và hình thành các phương pháp nghiên cứu, sáng tác, tổ chức hoạt động Mỹ thuật. - Vận dụng được những hiểu biết về quá trình phát triển của Mỹ thuật thế giới, Mỹ thuật Việt Nam, kiến thức về Mỹ

		thuật học trong học tập các môn học khác (thuộc chuyên ngành Mỹ thuật ở bậc đại học), nghiên cứu và đáp ứng được nhu cầu phát triển ngày càng cao của xã hội. - Nắm được kiến thức khoa học về nghệ thuật tạo hình, sử dụng hiệu quả các chất liệu, phương pháp xây dựng tác phẩm (Hội họa, Điêu khắc, Đồ họa, Trang trí....)
	5	- Hiểu và vận dụng được qui trình của các đợt thực tế chuyên môn. Hiểu được vai trò của cuộc sống trong sáng tạo nghệ thuật. Nắm được mối quan hệ biện chứng giữa cuộc sống và nghệ sỹ, nghệ sỹ và tác phẩm. Rèn luyện kỹ năng nắm bắt và quan sát thực tiễn, trên cơ sở đó hình thành ý tưởng nghệ thuật. - Sử dụng hiệu quả các chất liệu Hội họa, Đồ họa trong sáng tác chuyên khoa. Nắm được qui trình nghiên cứu và thực hiện khoá luận tốt nghiệp; cách lập kế hoạch và khai thác các tài liệu ghi chép, ký họa từ thực tế phù hợp với điều kiện học tập để hoàn thành tốt bài sáng tác chuyên ngành một cách khoa học.
CDR -Kỹ năng	1	- Hình thành năng lực thực hành cơ bản và phương pháp sáng tác Mỹ thuật theo yêu cầu của chương trình đào tạo. - Biết xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động Mỹ thuật.
	2	- Phát hiện và hình thành được vấn đề nghiên cứu, tư duy hình tượng, phân tích và đề xuất được giải pháp phù hợp thực tiễn sáng tác và hoạt động Mỹ thuật .
	3	- Cập nhật kiến thức, tổng hợp tài liệu, xây dựng nguồn tài liệu tham khảo, hỗ trợ sáng tác và hoạt động nghệ thuật.
	4	- Phát hiện và hình thành được vấn đề nghiên cứu, phân tích và đề xuất được giải pháp phù hợp thực tiễn dạy và tổ chức hoạt động Mỹ thuật trong Nhà trường và ngoài xã hội.
	5	- Sử dụng một số phương pháp, công nghệ cơ bản, hiện đại để tiến hành các hoạt động chuyên môn, nghiên cứu và sáng tạo nghệ thuật.

	6	- Cập nhật kiến thức, đề xuất các ý tưởng đổi mới phương pháp sáng tác, viết và phổ biến các sáng kiến kinh nghiệm trong hoạt động mỹ thuật, hình thành các ý tưởng nghiên cứu khoa học hoặc tham gia các đề tài nghiên cứu phù hợp với chuyên ngành . - Hình thành năng lực sáng tác, phát triển ý tưởng nghệ thuật, tham gia và tổ chức các hoạt động Mỹ thuật, đáp ứng nhu cầu đổi mới của toàn xã hội.
	7	- Hình thành năng lực tự học và học tập suốt đời. - Thu thập và tổng hợp tài liệu, quản lý thời gian, thích ứng với sự thay đổi trong môi trường xã hội.
	8	- Phát triển năng lực thành lập nhóm, xây dựng và triển khai kế hoạch làm việc của nhóm, chấp nhận sự khác biệt vì mục tiêu chung. - Thay đổi nhóm để thích ứng với hoàn cảnh - Quản lý môi trường hoạt động Mỹ thuật. - Năng lực ra quyết định, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện. - Kiểm tra các hoạt động Mỹ thuật trong lĩnh vực phụ trách.
	9	- Hình thành năng lực thuyết trình, giao tiếp hiệu quả giữa các cá nhân, nhóm. - Giao tiếp bằng văn bản hoặc Email.
	10	Nghe, nói, đọc viết đạt trình độ B1 theo khung tham chiếu chuẩn của Châu Âu (tương đương 4.0 IELTS).
	11	- Hoạt động xã hội: Tổ chức được các hoạt động Mỹ thuật đa dạng, phù hợp với môi trường xã hội.. - Kỹ năng sử dụng được tin học văn phòng cơ bản, tin học chuyên ngành phù hợp công việc hoạt động và sáng tác nghệ thuật.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm	1	- Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ Hội họa và mỹ thuật. Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao. - Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau. Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
	2	- Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật thuộc ngành hội họa. - Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể để thực hiện các công việc liên quan đến sáng tác, giảng dạy chuyên ngành hội họa
	3	- Hiểu biết về nền văn hóa, quan niệm thẩm mỹ, giá trị nghệ thuật của dân tộc Việt Nam. - Hiểu biết về an ninh quốc phòng toàn dân, thể hiện lập trường vững vàng và sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

4. Vị trí làm việc sau khi sinh viên tốt nghiệp

- Giảng dạy Mỹ thuật tại các trường trong hệ thống giáo dục quốc dân, hướng dẫn và bồi dưỡng học sinh, sinh viên có năng khiếu Mỹ thuật tại các trường, câu lạc bộ, Nhà Văn hóa....
- Đảm nhận công tác nghiên cứu, sáng tác, tổ chức hoạt động mỹ thuật tại các cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu nghệ thuật.
- Quản lý tư liệu Mỹ thuật tại các cơ sở: Bảo tàng, Trung tâm Triển lãm Mỹ thuật, di tích lịch sử...
- Tổ chức các sự kiện, hoạt động mỹ thuật, văn hoá... tại các cơ quan nhà nước, đoàn thể xã hội...
- Đảm nhận những công việc liên quan đến những vấn đề khác nhau thuộc khối nghệ thuật, khoa học xã hội và nhân văn.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Có khả năng tự học, tự nghiên cứu đảm bảo kiến thức về chuyên môn và nghiệp vụ để học lên bậc thạc sĩ, tiến sĩ các chuyên ngành thuộc lĩnh vực Mỹ thuật trong và ngoài nước.

Có thể thực hiện được các đề tài nghiên cứu về lĩnh vực Mỹ thuật ở các cấp khác nhau.

6. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế tham khảo

Chương trình khung đào tạo trình độ đại học ngành Hội họa CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Tên chương trình : **Chương trình đào tạo trình độ đại học**

Trình độ đào tạo : **Đại học**

Ngành đào tạo : **Hội họa (Painting)**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

(Ban hành kèm theo quyết định số 387/QĐ-ĐHMTVN ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Đào tạo cử nhân ngành Hội họa có trình độ tư duy, nghiên cứu, sáng tác những tác phẩm Hội họa; nắm vững kỹ thuật xử lý chất liệu chuyên ngành, có kỹ năng vận dụng kiến thức mỹ thuật trong các hoạt động xã hội và giảng dạy Hội họa ở các cơ sở đào tạo Mỹ thuật.

1.1. Mục tiêu tổng quát

Đào tạo cử nhân ngành Hội họa có thẩm mỹ, tư duy và khả năng tự nghiên cứu, truyền đạt kiến thức chuyên ngành.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Phẩm chất đạo đức

Có lập trường tư tưởng vững vàng, có đạo đức và nếp sống lành mạnh, say mê nghề nghiệp. Nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đặc biệt trên lĩnh vực Văn hoá nghệ thuật.

1.2.2. Kiến thức

- Có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Hội họa tạo hình.
- Nắm vững kỹ thuật và kiến thức thực tế chuyên ngành để sáng tác các tác phẩm Hội họa và giải quyết các công việc khác của ngành.

- Tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực mỹ thuật để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập nghiên cứu ở trình độ cao hơn.
- Có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực mỹ thuật.
- Sinh viên tốt nghiệp được bổ sung chương trình quy định về kiến thức sư phạm, đủ điều kiện giảng dạy chuyên ngành về Hội họa ở các cơ sở đào tạo mỹ thuật.

1.2.3. Kỹ năng

- Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành Hội họa trong các điều kiện và hoàn cảnh khác nhau.
- Có kỹ năng tư duy phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin. Tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học và công nghệ để giải quyết các vấn đề thực tế hay triu tượng trong lĩnh vực mỹ thuật.
- Có năng lực dẫn dắt chuyên môn mỹ thuật để xử lý các vấn đề quy mô địa phương và vùng miền.
- Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành mỹ thuật. Có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý, một số tình huống chuyên môn thông thường. Có thể viết báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc mỹ thuật.

1.2.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ mỹ thuật. Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.
- Có khả năng định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau. Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
- Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật.
- Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể.
- Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn mỹ thuật ở quy mô trung bình.

2. **THỜI GIAN ĐÀO TẠO:** 5 năm

3. **KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOÁ:** 228 ĐVHT + 165 tiết Giáo dục quốc phòng – an ninh + 5 ĐVHT Giáo dục thể chất.

– **Cấu trúc kiến thức của chương trình:**

+ **Khối lượng kiến thức đại cương:** 60 ĐVHT + 165 tiết Giáo dục quốc phòng – an ninh + 5 ĐVHT Giáo dục thể chất.

+ **Khối lượng kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:** 162 ĐVHT gồm:

Khối lượng kiến thức cơ sở ngành: 18 ĐVHT

Khối lượng kiến thức ngành: 109 ĐVHT (Khối lượng kiến thức môn tự chọn (Sơn dầu hoặc Sơn mài): 7 ĐVHT)

Thực tập nghề nghiệp: 20 ĐVHT

Thi tốt nghiệp: 15 ĐVHT

4. **ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH**

Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có một trong những văn bằng như sau :

Bằng tốt nghiệp phổ thông trung học (PTTH).

Bằng tốt nghiệp PTTH bổ túc.

Bằng tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp.

Các thí sinh phải thực hiện các bài thi tuyển sinh như sau :

Môn Hình hoạ (vẽ bằng bút chì hoặc than, thời gian 8 tiết, mỗi tiết 45 phút)

Môn Bố cục (vẽ bằng bột màu, thời gian 8 giờ liền)

Môn Ngữ văn không tổ chức thi chỉ xét tuyển. Điểm Ngữ văn được tính là điểm trung bình chung các năm học phổ thông trung học.

5. **QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**

5.1. Sinh viên được đào tạo trong thời gian 5 năm. Hai năm đầu được xem là 2 năm cơ bản về chuyên ngành, 3 năm sau là 3 năm học chuyên sâu.

5.2. Để được dự thi tốt nghiệp sinh viên phải hoàn thành tất cả các môn học quy định trong chương trình và phải đạt được điểm trung bình trở lên.

Sinh viên có tất cả 15 ĐVHT để làm bài thi tốt nghiệp.

Thi tốt nghiệp gồm:

+ Bài thi học phần Chính trị cuối khóa.

+ Bài sáng tác tốt nghiệp thực hiện bằng 1 trong 3 chất liệu: Sơn mài, Lụa hoặc Sơn dầu.

+ Khóa luận tốt nghiệp hoặc thi Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp

6. **THANG ĐIỂM:** Tất cả các bài tập được tính theo thang điểm 10

7. **NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH:**

SỐ TT	MÃ SỐ HỌC PHẦN		TÊN HỌC PHẦN	ĐVHT	HỌC KỲ DỰ KIẾN
	Phần chữ	Phần số			

1. Kiến thức giáo dục đại cương				66	
1.1. Các học phần bắt buộc				60	
1	MTNL	401-1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lê nin 1	4	1
2	MTNL	401-2	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lê nin 2	4	2
3	MTTT	402	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	3
4	MTĐC	403	Đường lối CM của Đảng CSVN	4	6
5	MTĐV	404	Đường lối văn hóa – văn nghệ của Đảng CSVN	2	6
6	MTTA	405-1	Tiếng Anh 1	3	1
7	MTTA	405-2	Tiếng Anh 2	3	2
8	MTTA	405-3	Tiếng Anh 3	4	3
9	MTTH	407	Triết học đại cương	2	3
10	MTPL	409	Pháp luật đại cương và phòng chống tham nhũng	3	3
11	MTLV	411	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 1	4	4
12	MTLT	412	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 1	5	2
13	MTMT	413	Mỹ thuật học 1	3	5
14	MTMH	414	Mỹ học đại cương	2	3
15	MTPN	415	PP nghiên cứu khoa học	2	6
16	MTGP	451	Giải phẫu tạo hình	3	1
17	MTXG	452	Xa gần	3	2
18	MTĐH	453	Đặc họa	2	3
19	MTNM	455	Nghiên cứu Mỹ thuật cổ	2	3
20	MTĐK	456	Điêu khắc	2	3
21	MTGT	416	Giáo dục thể chất	5	1,2,3,4

22	MTQA	417	Giáo dục Quốc phòng – an ninh	165 (tiết)	1
1.2. Các học phần tự chọn				6	
23	MTVA	418	Video Art	3	8
24	MTNA	419	Nhiếp ảnh	3	8
25	MTĐB	420	In độc bản	3	8
26	MTTĐ	421	Thiết kế đồ họa 3D	3	8
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				127	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành				18	
27	HHHH	470	Hình họa 1	4	1
28	HHHH	471-1	Hình họa 2	4	2
29	HHHH	471-2	Hình họa 3	4	
30	HHTB	476	Trang trí – Bố cục 1	2	1
31	HHTB	477	Trang trí – Bố cục 2	4	2
2.2. Kiến thức ngành				109	
2.2.1. Các học phần bắt buộc				102	
32	HHHH	472-1	Hình họa 4	3	3
33	HHHH	472-2	Hình họa 5	4	3
34	HHHH	473-1	Hình họa 6	3	4
35	HHHH	473-2	Hình họa 7	4	4
36	HHHH	474-1	Hình họa 8	4	5
37	HHHH	474-2	Hình họa 9	4	5
38	HHHH	475-1	Hình họa 10	4	6
39	HHHH	475-2	Hình họa 11	4	6
40	HHTB	478	Trang trí – Bố cục 3	2	3
41	HHTB	479	Trang trí – Bố cục 4	4	4

42	HHST	480	Sáng tác 1 (Sơn mài)	6	5
43	HHST	481	Sáng tác 2 (Lụa)	4	6
44	HHST	482	Sáng tác 3 (Sơn dầu)	4	6
45	HHST	483	Sáng tác 4 (Sơn dầu)	5	7
46	HHST	484	Sáng tác 5 (Sơn dầu)	6	7
47	HHST	485	Sáng tác 6 (Sơn mài)	5	8
48	HHST	486	Sáng tác 7 (Sơn mài)	6	8
49	HHST	487-1	Sáng tác 8 (Lụa)	4	8
50	HHST	487-2	Sáng tác 9 (Lụa)	4	8
51	HHST	488-1	Sáng tác 10 (Sơn mài)	4	9
52	HHST	488-2	Sáng tác 11 (Sơn mài)	4	9
53	HHST	489	Sáng tác 12 (Lụa)	6	9
54	HHST	490-1	Sáng tác 13 (Sơn dầu)	4	9
55	HHST	490-2	Sáng tác 14 (Sơn dầu)	4	9
2.2.2. Các học phần tự chọn				7	
56	HHST	491	Sáng tác tự chọn chất liệu (sơn dầu)	7	8
57	HHST	492	Sáng tác tự chọn chất liệu (sơn mài)	7	8
58	HHST	493	Sáng tác tự chọn chất liệu (lụa)	7	8
3. Thực tập nghề nghiệp				20	
59	HHTT	493	Thực tập nghề nghiệp 1	4	2
60	HHTT	494	Thực tập nghề nghiệp 2	4	4
61	HHTT	495	Thực tập nghề nghiệp 3	6	5
62	HHTT	496	Thực tập nghề nghiệp 4	6	7
4. Thi tốt nghiệp				15	
63	MTCT	457	Chính trị cuối khóa	2	10

64	MTKL	458	Khóa luận/Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	2	10
65	HHST	497	Sáng tác tốt nghiệp	11	10

	HIỆU TRƯỞNG (đã ký) Lê Văn Sửu
--	--

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

NHÓM NGÀNH MỸ THUẬT

NGÀNH HỘI HỌA

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Tên chương trình : Chương trình đào tạo Tài năng

Trình độ đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Hội họa (Painting)

Chuyên ngành : Tranh Lụa (Silk painting)

Loại hình đào tạo: Chính quy

1. Mục tiêu

Đào tạo cử nhân tài năng ngành Hội họa, chuyên ngành Tranh Lụa có trình độ tư duy, nghiên cứu, sáng tác những tác phẩm Hội họa; nắm vững kỹ thuật xử lý chất liệu Lụa, có kỹ năng vận dụng kiến thức mỹ thuật trong các hoạt động xã hội và giảng dạy Hội họa ở các cơ sở đào tạo Mỹ thuật.

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân tài năng ngành Hội họa, chuyên ngành Tranh Lụa có thẩm mỹ, tư duy và khả năng tự nghiên cứu, truyền đạt kiến thức chuyên ngành.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

- Có kiến thức lý thuyết cơ bản về mỹ thuật tạo hình, giải phẫu tạo hình, luật phối cảnh, các kiến thức về cơ sở tạo hình và nguyên lý thị giác. Có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực hội họa, nắm vững phương pháp sáng tạo ngôn ngữ tạo hình trong nghiên cứu

hình họa chì, than, hình họa sơn dầu, ký họa, hình tượng nghệ thuật; có phương pháp tư duy nghiên cứu, sáng tác tác phẩm hội họa thuộc các thể loại tranh tĩnh vật, phong cảnh, chân dung, sinh hoạt; có hiểu biết

1 chuyên sâu về chất liệu lụa và kỹ thuật thể hiện tác phẩm theo các xu hướng nghệ thuật từ truyền thống đến hiện đại, đương đại.

- Có kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực hội họa để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập nghiên cứu ở trình độ cao hơn.

- Có kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin, một số phần mềm đồ họa cơ bản và kỹ thuật nhiếp ảnh để ứng dụng trong sáng tác tác phẩm và trao đổi thông tin; cũng như kiến thức ngoại ngữ để giao tiếp và nghiên cứu tài liệu tham khảo thuộc ngành Hội họa.

1.2.2. Kỹ năng

- Có kỹ năng sử dụng tốt phương pháp tạo hình và kỹ thuật, chất liệu hội họa như chì, than, màu sơn dầu, màu nước, phấn màu để thực hành nghiên cứu hình họa và vẽ hình.

- Có kỹ năng sử dụng thành thạo, linh hoạt, sáng tạo chất liệu, kỹ thuật thể hiện tranh lụa và phương pháp thực hành sáng tác.

- Có kỹ năng sử dụng tốt máy ảnh, máy vi tính phục vụ sáng tác tác phẩm và nghiên cứu về hội họa.

- Có kỹ năng viết báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn của ngành hội họa và lĩnh vực mỹ thuật.

1.2.3. Thái độ

- Có đạo đức nghề nghiệp; có ý thức tổ chức lao động, chấp hành nội quy, quy chế, quy định của đơn vị sử dụng nhân lực; có trách nhiệm công dân đối với xã hội, có ý thức cộng đồng, tác phong công nghiệp.

- Có thái độ cầu thị, học hỏi nâng cao trình độ nghề nghiệp, tìm tòi sáng tạo trong công việc.

- Có ý thức hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp.

1.2.4. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

2 - Họa sỹ sáng tác tác phẩm hội họa tạo hình độc lập, nghiên cứu các vấn đề về nghệ thuật hội họa và mỹ thuật.

- Giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp có ngành, chuyên ngành mỹ thuật.
- Nghiên cứu tại các viện, trung tâm nghiên cứu khoa học liên quan đến lĩnh vực mỹ thuật.
- Hoạt động phụ trách mỹ thuật, trình bày tại các nhà xuất bản, tạp chí, báo...
- Hoạt động chuyên môn hội họa, mỹ thuật tại các cơ quan, doanh nghiệp, các tổ chức xã hội.

1.2.5. Trình độ ngoại ngữ

Sau khi tốt nghiệp đạt Tiếng Anh trình độ B1, theo Khung tham chiếu trình độ ngoại ngữ chung Châu Âu.

1.2.6. Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Có đủ trình độ và khả năng chuyển đổi sang học các ngành gần như Đồ họa; Điều khắc; Sư phạm mỹ thuật; Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật; Thiết kế đồ họa và các chuyên ngành của ngành Mỹ thuật ứng dụng.
- Học tiếp ở trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

- Có kiến thức lý thuyết cơ bản về mỹ thuật tạo hình, bao gồm các kiến thức về mỹ thuật học, mỹ học, lịch sử mỹ thuật Việt Nam và thế giới; giải phẫu tạo hình, luật phối cảnh; các kiến thức về cơ sở tạo hình và nguyên lý thị giác.
- Có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực hội họa, nắm vững phương pháp sáng tạo ngôn ngữ tạo hình trong nghiên cứu hình họa chì, than, hình họa sơn dầu, ký họa, hình tượng nghệ thuật; có phương pháp tư duy nghiên cứu, sáng tác tác phẩm hội họa thuộc các thể loại tranh tĩnh vật, phong cảnh, chân dung, sinh hoạt; có hiểu biết chuyên sâu về chất liệu lụa và kỹ thuật thể hiện tác phẩm theo các xu hướng nghệ thuật từ truyền thống đến hiện đại, đương đại.
- Có kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực hội họa để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập nghiên cứu ở trình độ cao hơn.
- Có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực mỹ thuật.

- Có kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin, một số phần mềm đồ họa cơ bản và kỹ thuật nhiếp ảnh để ứng dụng trong sáng tác tác phẩm và trao đổi thông tin.
- Có kiến thức ngoại ngữ để giao tiếp và nghiên cứu tài liệu tham khảo thuộc ngành hội họa.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng cứng

- Có kỹ năng nắm vững tốt phương pháp tạo hình và kỹ thuật, chất liệu hội họa như chì, than, màu sơn dầu, màu nước, phấn màu để thực hành nghiên cứu hình họa và vẽ hình.
- Có kỹ năng sử dụng thành thạo, linh hoạt, sáng tạo chất liệu, kỹ thuật thể hiện tranh lụa và phương pháp thực hành sáng tác tranh tĩnh vật, tranh phong cảnh, tranh chân dung, tranh sinh hoạt.
- Có kỹ năng cơ bản để thực hiện nghiên cứu khoa học thuộc ngành hội họa.
- Có năng lực nghiên cứu, tìm tòi thể nghiệm về kỹ thuật chất liệu và phương thức trình bày tác phẩm để mang lại những hiệu quả biểu đạt mới, đáp ứng yêu cầu phát triển của lĩnh vực mỹ thuật.
- Có kỹ năng sử dụng tốt máy ảnh, máy vi tính phục vụ sáng tác tác phẩm và nghiên cứu về hội họa.

2.2.2. Kỹ năng mềm

- Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành hội họa trong các điều kiện và hoàn cảnh khác nhau.
- Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học và công nghệ để giải quyết các vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực hội họa.
- Có năng lực dẫn dắt chuyên môn về hội họa và mỹ thuật để xử lý vấn đề quy mô địa phương và vùng miền.
- Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến nghệ thuật hội họa, lĩnh vực mỹ thuật.
- Có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường.

- Có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn của ngành hội họa và lĩnh vực mỹ thuật.
- Có kỹ năng giao tiếp và thuyết trình về công việc liên quan đến nghệ thuật hội họa và mỹ thuật.
- Có kỹ năng làm việc theo nhóm.
- Có kỹ năng sử dụng, khai thác lợi thế của công nghệ thông tin để trao đổi, học tập và sáng tác tác phẩm hội họa.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ Hội họa và mỹ thuật. Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.
- Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau. Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
- Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật thuộc ngành hội họa.
- Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể để thực hiện các công việc liên quan đến sáng tác, giảng dạy chuyên ngành hội họa - chất liệu lụa.
- Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn hội họa ở quy mô trung bình.

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá

- Tổng: 249 ĐVHT + 165 tiết Giáo dục quốc phòng - an ninh + 5 ĐVHT Giáo dục thể chất.

- Cấu trúc kiến thức của chương trình gồm 2 phần:

Phần 1: Đào tạo đại trà - Tổng: 94 ĐVHT + 165 tiết Giáo dục quốc phòng - an ninh + 5 ĐVHT Giáo dục thể chất.

+ Khối lượng kiến thức đại cương: 47 ĐVHT + 165 tiết Giáo dục quốc phòng -an ninh + 5 ĐVHT Giáo dục thể chất.

+ Khối lượng kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 47 ĐVHT gồm:

- ☐ Khối lượng kiến thức cơ sở ngành: 32 ĐVHT
- ☐ Khối lượng kiến thức ngành: 7 ĐVHT
- ☐ Thực tập nghề nghiệp: 8 ĐVHT

Phần 2: Đào tạo tài năng - Tổng: 155 ĐVHT

- + Khối lượng kiến thức đại cương: 16 ĐVHT
- + Khối lượng kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 139 ĐVHT gồm:
 - ☐ Khối lượng kiến thức cơ sở ngành: 20 ĐVHT
 - ☐ Khối lượng kiến thức ngành: 0 ĐVHT
 - ☐ Khối lượng kiến thức chuyên ngành: 87
 - ☐ Thực tập nghề nghiệp: 12 ĐVHT
 - ☐ Thi tốt nghiệp: 20 ĐVHT

4. Đối tượng tuyển chọn

Sinh viên đã hoàn thành chương trình học năm thứ hai ngành Hội họa hệ đại học chính quy tại các cơ sở đào tạo trình độ đại học khối ngành nghệ thuật trên toàn quốc.

5. Phương thức và quy cách tuyển chọn

5.1. Phương thức tuyển chọn:

- Việc tuyển chọn được tiến hành theo phương thức xét tuyển và thi tuyển. Xét tuyển hồ sơ và thi tuyển chuyên môn. Các sinh viên dự tuyển sau khi qua vòng xét tuyển hồ sơ sẽ phải tham gia kiểm tra khả năng chuyên môn bằng một bài thi Hình họa nghiên cứu và một bài thi Bố cục màu.
- Quy cách và yêu cầu bài thi được đưa ra phù hợp với chuẩn kiến thức và kỹ năng của năm học thứ 2.

Thời gian và nội dung của bài kiểm tra như sau:

- + Hình họa: Vẽ người toàn thân bằng chất liệu chì hoặc than vẽ, thời gian thi 01 ngày (8 tiết, mỗi tiết 45 phút)
- + Bố cục: Vẽ phác thảo tranh màu bằng bột màu hoặc gouache, thời gian thi 01 ngày (8 giờ liền kể cả thời gian nghỉ ăn trưa)

Yêu cầu cần đạt được:

- + Bài hình họa: Bố cục cân đối; tương quan tỷ lệ tốt; thể hiện được đặc điểm của người mẫu; gợi tả được cấu trúc và không gian; bút pháp thể hiện và sử dụng chất liệu tốt; có sự tìm tòi sáng tạo và có cảm xúc.
- + Bài Bố cục: Thể hiện đúng nội dung đề tài; Sắp xếp bố cục có chính phụ rõ ràng, chặt chẽ; Màu sắc hài hòa, đậm nhạt hợp lý, phù hợp với nội dung đề tài; Hình mảng, đường nét, bút pháp sinh động, nhân vật và bối cảnh phù hợp với tinh thần đề tài; Tạo hình bài vẽ có nhịp điệu; Bài vẽ độc đáo, có tính sáng tạo, thể hiện được cảm xúc của người vẽ

5.2. Quy cách tuyển chọn:

- Điểm xét tuyển sẽ được tính từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu tuyển chọn.
- Trong trường hợp điểm bài kiểm tra chuyên môn bằng nhau, Hội đồng tuyển chọn sẽ tính điểm cộng từ tiêu chí bổ sung.

6. Quy trình tuyển chọn

Quy trình tuyển chọn sẽ tiến hành theo các bước:

- Bước 1: Thông báo cho sinh viên đã hoàn thành chương trình đào tạo năm thứ hai ngành Hội họa về chương trình tuyển chọn sinh viên tài năng. Thông tin về chương trình tuyển chọn đồng thời được gửi đến các cơ sở đào tạo liên quan và đưa trên trang thông tin điện tử của nhà trường trước thời điểm nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển 1 tháng.
- Bước 2: Nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển.
- Bước 3: Thành lập hội đồng tuyển chọn (15-20 tháng 7).
- Bước 4: Xét chọn hồ sơ sinh viên dự tuyển dựa trên tiêu chí tuyển chọn.
- Bước 5: Tổ chức thi kiểm tra chất lượng chuyên môn.
- Bước 6: Tuyển chọn sinh viên dựa trên kết quả điểm bài thi kiểm tra chất lượng chuyên môn và tiêu chí tuyển chọn. Lập danh sách trúng tuyển và ra Quyết định công nhận sinh viên trúng tuyển (trước 30 tháng 7).

7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- 7.1. Sinh viên được đào tạo trong thời gian 3 năm, từ năm thứ ba đến hết năm thứ năm.
- 7.2. Sinh viên học hết một năm học của chương trình đào tạo tài năng nếu không đủ các điều kiện theo Tiêu chí tuyển chọn sẽ không được tiếp tục học và phải trở lại học theo chương trình tiêu chuẩn của ngành Hội họa ở năm học tiếp theo.
- 7.3. Sinh viên hoàn thành chương trình của một, hai hay cả ba năm học lớp tài năng sẽ được nhận chứng chỉ xác nhận của Trường.
- 7.4. Để được dự thi tốt nghiệp sinh viên phải hoàn thành tất cả các môn học quy định trong chương trình đào tạo tài năng chuyên ngành Tranh Lụa, ngành Hội họa với kết quả điểm học tập và rèn luyện phải đạt loại Khá trở lên.
- Sinh viên có tất cả 20 ĐVHT để làm bài thi tốt nghiệp.
- Thi tốt nghiệp gồm:
 - + Bài thi học phần Chính trị cuối khóa.

+ Bài sáng tác tốt nghiệp thực hiện bằng chất liệu Lụa.

+ Khóa luận tốt nghiệp.

8.8. Cách thức đánh giá

8.1. Các học phần chỉ có lý thuyết, điểm mỗi học phần bao gồm:

a) Điểm tích cực học tập (bao gồm đánh giá về số giờ dự học trên lớp chuyên cần, nghiêm túc; tích cực tham gia thảo luận. Trong đó, dự học đủ từ 80% tổng số tiết quy định trong chương trình trở lên). Thang điểm 10, trọng số: 10% (có thể cho điểm lẻ đến 0,25);

b) Điểm kiểm tra giữa học phần (thực hiện đối với tất cả các học phần từ 30 tiết trở lên): Thang điểm 10, trọng số: 30% (có thể cho điểm lẻ đến 0,25);

c) Điểm thi kết thúc học phần: Thang điểm 10, trọng số: 60% (có thể cho điểm lẻ đến 0,25);

d) Điểm kết luận: là tổng của các điểm thành phần sau khi đã nhân với trọng số của mỗi thành phần: tích cực học tập, kiểm tra giữa học phần và điểm thi kết thúc học phần. Tối đa 10 điểm.

8.2. Các học phần Nghiên cứu, điểm mỗi học phần bao gồm:

a) Điểm tích cực học tập (bao gồm đánh giá về số giờ dự học trên lớp chuyên cần, nghiêm túc; tích cực tham gia thảo luận. Trong đó, dự học đủ từ 80% tổng số tiết quy định trong chương trình trở lên). Thang điểm 10, trọng số: 10% (có thể cho điểm lẻ đến 0,25);

b) Điểm trung bình cộng các bài kiểm tra giữa học phần (thực hiện đối với tất cả các học phần từ 30 tiết trở lên và số lượng bài kiểm tra giữa học phần phụ thuộc vào đặc điểm của từng ngành đào tạo, tùy vào số đơn vị học trình của học phần đó): Thang điểm 10, trọng số: 40% (có thể cho điểm lẻ đến 0,25);

c) Điểm thi kết thúc học phần: Thang điểm 10, trọng số: 50% (có thể cho điểm lẻ đến 0,25);

d) Điểm kết luận: là tổng của các điểm thành phần sau khi đã nhân với trọng số của mỗi thành phần: tích cực học tập, kiểm tra giữa học phần và điểm thi kết thúc học phần. Tối đa 10 điểm.

8.3. Các học phần Sáng tác, điểm mỗi học phần bao gồm:

- 9 a) Điểm tích cực học tập (bao gồm đánh giá về số giờ dự học trên lớp chuyên cần, nghiêm túc; tích cực tham gia thảo luận. Trong đó, dự học đủ từ 80% tổng số tiết quy trong chương trình trở lên). Thang điểm 10, trọng số: 10% (có thể cho điểm lẻ đến 0,25);
- b) Các bài kiểm tra giữa học phần (phác thảo): Thang điểm 10, trọng số: 20% (có thể cho điểm lẻ đến 0,25);
- c) Điểm thi kết thúc học phần: Thang điểm 10, trọng số: 70% (có thể cho điểm lẻ đến 0,25);
- d) Điểm kết luận: là tổng của các điểm thành phần sau khi đã nhân với trọng số của mỗi thành phần: tích cực học tập, kiểm tra giữa học phần và điểm thi kết thúc học phần. Tối đa 10 điểm.

8.4. Đối với một số học phần đặc biệt, việc lựa chọn các hình thức đánh giá và trọng số bài kiểm tra giữa học phần và kết thúc học phần do giảng viên đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định trong đề cương chi tiết của học phần.

8.5. Đối với các học phần dưới 30 tiết không thực hiện kiểm tra giữa học phần. Điểm thành phần của loại học phần này được phân bổ như sau:

- Điểm tích cực học tập: thang điểm 10, trọng số: 10%.
- Điểm thi kết thúc học phần: thang điểm 10, trọng số: 90 %.
- Điểm kết luận: là tổng của 02 điểm thành phần nêu trên sau khi đã nhân với trọng số. Tối đa 10 điểm.

8.6. Giảng viên giảng dạy học phần trực tiếp ra đề kiểm tra giữa học phần và cho điểm đánh giá bộ phận, trừ bài thi kết thúc học phần. (Việc ra đề thi kết thúc học phần được thực hiện theo quy định của Trường)

8.7. Học phần Sáng tác tốt nghiệp, điểm học phần bao gồm:

- a) Điểm tích cực học tập (bao gồm đánh giá về số giờ dự học trên lớp chuyên cần, nghiêm túc; tích cực tham gia thảo luận. Trong đó, dự học đủ từ 80% tổng 10 số tiết quy trong chương trình trở lên). Thang điểm 10, trọng số: 10% (có thể cho điểm lẻ đến 0,25);
- b) Các bài kiểm tra giữa học phần (phác thảo): Thang điểm 10, trọng số: 10% (có thể cho điểm lẻ đến 0,25);
- c) Điểm thi kết thúc học phần (bao gồm điểm thuyết trình và điểm bài sáng tác): Thang điểm 10, trọng số: 80% (có thể cho điểm lẻ đến 0,25);

d) Điểm kết luận: là tổng của các điểm thành phần sau khi đã nhân với trọng số của mỗi thành phần: tích cực học tập, kiểm tra giữa học phần và điểm thi kết thúc học phần. Tối đa 10 điểm.

9. Nội dung chương trình

Chương trình đào tạo tài năng chuyên ngành Tranh Lụa, ngành Hội họa được chia làm 02 phần:

- Phần 1 gồm các học phần thuộc chương trình các năm học thứ nhất và thứ hai trong chương trình đại trà;
- Phần 2 gồm chủ yếu là các học phần sáng tác thuộc khối kiến thức chuyên ngành và thể hiện sự khác biệt so với chương trình đào tạo đại trà bởi các học phần sáng tác đáp ứng với tiêu chí và chuẩn đầu ra của đào tạo tài năng.

9.1. PHẦN 1: 94 ĐVHT = Kiến thức Giáo dục đại cương 47 ĐVHT + Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp 47 ĐVHT (Cơ sở ngành 32 ĐVHT + Kiến thức ngành 7 ĐVHT + Thực tập nghề nghiệp 8 ĐVHT) (Chưa kể 165 tiết Giáo dục quốc phòng - an ninh + 5 ĐVHT Giáo dục thể

HIỆU TRƯỞNG